

Số: 1045/QĐ-VISHIPEL

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam

CHỦ TỊCH

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-BGTVT ngày 12/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam.

Xét Tờ trình số 1038/TTr-VISHIPEL ngày 26/03/2026 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam với các nội dung như sau:

A. Mục tiêu định hướng

I. Mục tiêu tổng quát

- Bảo đảm cung cấp ổn định, liên tục và chất lượng cao dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải phục vụ an toàn hàng hải, tìm kiếm cứu nạn, phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.
- Kinh doanh hiệu quả dựa trên việc khai thác thế mạnh của Công ty. Tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ vệ tinh. Đẩy mạnh nghiên cứu và cung

cấp các giải pháp về thông tin liên lạc, quản lý, giám sát cho các hoạt động trên biển.

- Tiếp tục triển khai các chủ trương của Đảng và Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước hiện đại hóa hạ tầng thông tin hàng hải, phát triển các dịch vụ dữ liệu và giải pháp số trên biển, góp phần xây dựng hệ sinh thái thông tin biển quốc gia phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế biển nhằm đáp ứng các yêu cầu thay đổi của quốc tế về hệ thống GMDSS, lộ trình hiện đại hóa GMDSS của các tổ chức quốc tế.

- Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực hiện đại, nâng cao hiệu quả quản lý; áp dụng mô hình quản trị tiên tiến trên nền tảng số, tăng cường tính minh bạch, phù hợp với định hướng xây dựng doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty và hội nhập quốc tế.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công TTDH

- Bảo đảm duy trì hoạt động ổn định, an toàn và liên tục của hệ thống TTDH Việt Nam, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về thông tin cấp cứu, an toàn và an ninh hàng hải. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ vệ tinh, trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật (IoT) trong quản lý, giám sát và xử lý thông tin hàng hải để nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời bảo đảm tính sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành hàng hải.

- Từng bước đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, số hóa, xây dựng và phát triển hệ thống dữ liệu thông tin hàng hải, tích hợp các nguồn dữ liệu và các hệ thống giám sát khác góp phần hình thành nền tảng thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của Công ty và các cơ quan quản lý nhà nước.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển Hệ thống TTDH Việt Nam đáp ứng lộ trình hiện đại hóa hệ thống cấp cứu và an toàn hàng hải toàn cầu (GMDSS) của Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO).

- Từng bước làm chủ các công nghệ chiến lược và công nghệ liên quan đến hoạt động cốt lõi của Công ty như trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, dữ liệu lớn và công nghệ vệ tinh thế hệ mới trong công tác quản lý, vận hành và giám sát hệ thống TTDH và mạng dịch vụ Công ty cung cấp nhằm nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và giảm dần sự phụ thuộc vào các giải pháp, thiết bị nhập khẩu.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, chủ động tham gia các mạng lưới thông tin hàng hải trong nước và quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế về thông tin hàng hải và tìm kiếm cứu nạn.

2. Hoạt động kinh doanh khác

- Duy trì, nâng cao chất lượng các dịch vụ trọng điểm bao gồm: dịch vụ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp LEO, dịch vụ thông tin dữ liệu hành trình tàu (AIS/vệ tinh) và các dịch vụ khác cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Phát triển các dịch vụ và sản phẩm công nghệ mới dựa trên nền tảng số và dữ liệu biển, từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh từ cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống sang cung cấp các giải pháp tích hợp về kết nối, dữ liệu và quản lý hoạt động trên biển.

- Mở rộng và đa dạng hóa thị trường dịch vụ, tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng phát triển cao như vận tải biển, logistics, dầu khí, năng lượng ngoài khơi, thủy sản và các hoạt động kinh tế biển, qua đó nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng thông tin hàng hải hiện có.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm phát triển các sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng; phát triển mô hình cung cấp thiết bị gắn với dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ dữ liệu nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Phân đầu duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh khác, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia về CNTT, viễn thông, dữ liệu và công nghệ số, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hệ thống thông tin hàng hải và quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh, năng lực, trình độ, tư duy đổi mới, trách nhiệm.

- Tiếp tục tạo dựng kho tri thức doanh nghiệp làm cơ sở hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

- Xây dựng cơ chế thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao.

4. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT

- Bám sát định hướng của IMO, ITU, Cospas-Sarsat để xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thông tin duyên hải và GMDSS theo chuẩn quốc tế, nâng cao vị thế Việt Nam trong mạng lưới hàng hải toàn cầu.

- Làm chủ quy trình, thiết kế và sản xuất các thành phần cứng – mềm quan trọng, từng bước chủ động trong sửa chữa, chế tạo, giảm phụ thuộc nhập khẩu.

- Phát triển hệ thống quản lý, giám sát tàu bằng công nghệ AIS, thông tin vệ tinh và các công nghệ giám sát tàu khác, bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, an ninh, chống khai thác hải sản bất hợp pháp.

- Đầu tư đồng bộ trung tâm dữ liệu, đảm bảo tính an toàn, bảo mật và khả năng kết nối, tạo nền tảng triển khai các ứng dụng số tiên tiến.

- Khai thác giá trị dữ liệu để phát triển các dịch vụ mới, tạo sản phẩm mang thương hiệu riêng, có đăng ký sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện chuyển đổi số với ERP, AI, Big Data, IoT nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

- Đào tạo, nâng cao kỹ năng công nghệ cho người lao động; xây dựng văn hóa số, thúc đẩy tư duy sáng tạo, linh hoạt, thích ứng với môi trường làm việc số.

5. Công tác pháp chế doanh nghiệp

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của Công ty.

- Tăng cường công tác rà soát, xây dựng, cập nhật, sửa đổi hệ thống văn bản quản lý nội bộ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty. Đồng thời, tăng cường cơ chế phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị để triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ đáp ứng mục tiêu trong giai đoạn mới.

B. Các nhiệm vụ chủ yếu

- Tập trung thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống TTDH Việt Nam để cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu về khối lượng và chất lượng. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa hệ thống TTDH quốc gia, nâng cao năng lực quản lý, vận hành và khai thác các đài thông tin duyên hải theo hướng tự động hóa, số hóa và tích hợp dữ liệu.

- Duy trì và nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ của Công ty. Tập trung phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh từ cung cấp dịch vụ truyền thống sang cung cấp các giải pháp tích hợp về kết nối, dữ liệu và quản lý hoạt động trên biển, trên đất liền, nâng cao giá trị khai thác của hạ tầng CNTT của Công ty.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình chuyển đổi số của Công ty trong hoạt động sản xuất và quản lý nội bộ.

- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phù hợp với định hướng chuyển đổi số của Công ty.

- Thực hiện quản lý tài sản, tài chính hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

C. Các chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Sản lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công TTDH	8.760	8.760	8.784	8.760	8.760
2	Tổng doanh thu	439.540	415.768	429.895	450.577	476.340
2.1	<i>Doanh thu dịch vụ sự nghiệp công TTDH</i>	<i>223.000</i>	<i>240.176</i>	<i>240.656</i>	<i>245.491</i>	<i>251.639</i>
2.2	<i>Doanh thu hoạt động kinh doanh khác</i>	<i>216.540</i>	<i>175.592</i>	<i>189.289</i>	<i>205.086</i>	<i>224.701</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	37.500	37.800	38.200	38.600	39.000
4	Nộp ngân sách nhà nước	36.000	36.100	36.200	36.500	36.700
5	Trích quỹ đầu tư phát triển	2.000	2.100	2.300	2.500	2.500

D. Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030

- Tổng số dự án đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 là 29 hạng mục, bao gồm:

+ 25 hạng mục triển khai trong giai đoạn 2026-2030 với tổng mức đầu tư là: 196.051,65 triệu đồng;

+ 04 hạng mục triển khai trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục thực hiện trong năm 2026 với tổng mức đầu tư là 106.264,74 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn của doanh nghiệp và Quỹ đầu tư phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

E. Kế hoạch cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần

Trong giai đoạn 2026-2030, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần điện tử hàng hải sau khi xử lý các tồn tại về nhà, đất giữa Công ty và Công ty cổ phần điện tử hàng hải.

F. Giải pháp thực hiện kế hoạch

I. Hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công TTDH.

- Triển khai và cung cấp dịch vụ thông tin duyên hải sử dụng công nghệ số trên băng tần VHF/MF/HF và công nghệ vệ tinh băng rộng.
- Triển khai ứng dụng công nghệ mới cung cấp dịch vụ giám sát, theo dõi vị trí tàu, hành hải điện tử đáp ứng nhu cầu phục vụ quản lý nhà nước đối với các phương tiện hoạt động trên biển.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, xây dựng cấu hình dự phòng đảm bảo duy trì hệ thống hoạt động 24/7.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO để cung cấp dịch vụ thông tin duyên hải bảo đảm 100% chỉ tiêu chất lượng dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan đặt hàng, hoàn thành xuất sắc hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải cho người và phương tiện hoạt động trên biển. Tăng cường, nâng cao vai trò của các Đài chủ Vùng trong hoạt động triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các Đài thuộc Vùng.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ, bảo đảm năng lực hạ tầng công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin. Nghiên cứu, đổi mới công tác quản lý kỹ thuật, dịch vụ, công nghệ, trang thiết bị phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ.

II. Hoạt động kinh doanh khác

- Dịch vụ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp Starlink cho tàu cá/ tàu hàng: Công ty ký Thỏa thuận hợp tác với Starlink Việt Nam để cung cấp dịch vụ Starlink tới nhóm khách hàng tàu cá/ tàu hàng.
- Dịch vụ thông tin hành trình AIS/ vệ tinh: xây dựng và hoàn thiện phần mềm cung cấp dịch vụ dữ liệu hành trình đa nền tảng để tích hợp dữ liệu AIS và vệ tinh, cung cấp cho khách hàng công cụ quản lý, giám sát và khai thác thông tin hành trình tàu thuyền một cách hiệu quả, thân thiện và trực quan. Đây sẽ là bước đột phá quan trọng, không chỉ nâng cao giá trị dịch vụ mà còn tạo thêm lợi thế khác biệt cho Công ty so với các đối thủ.
- Khai thác nhu cầu quản lý của các doanh nghiệp logistics, vận tải biển và chủ hàng có nhu cầu theo dõi vị trí, tình trạng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển và phát triển các gói dịch vụ phù hợp với nhu cầu khách hàng.
- Triển khai chiến lược đồng bộ về truyền thông trên các kênh truyền thống và số, tận dụng thế mạnh hệ thống Đài thông tin duyên hải và Trung tâm

Dịch vụ khách hàng để tiếp cận trực tiếp, đồng thời đẩy mạnh quảng bá trên các nền tảng số (website, mạng xã hội, hội nghị khách hàng, hội thảo chuyên đề).

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, xây dựng các chính sách phù hợp với từng nhóm khách hàng để đảm bảo hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn dịch vụ, khuyến mại, tri ân...

III. Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu kỹ năng số: Hoàn thiện, cập nhật Bộ Tiêu chuẩn chức danh bổ sung các tiêu chí về kỹ năng số, an toàn – an ninh mạng và chuyển đổi số; Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về công nghệ, quản trị hệ thống, vận hành các nền tảng số phục vụ dịch vụ của Công ty.

- Quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý: Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ kế cận dựa trên đánh giá năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm và tiềm năng; Tổ chức các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, quản lý dự án, kỹ năng điều hành trong môi trường công nghệ cao; Cử cán bộ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế và các khóa học quản lý tiên tiến; áp dụng cơ chế đãi ngộ đặc thù cho cán bộ chủ chốt.

- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua tiền lương, thưởng tương xứng với thị trường.

- Cải thiện thu nhập bình quân; áp dụng chế độ lương, thưởng gắn với năng suất và hiệu quả công việc; Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sáng tạo và đề cao ý thức kỷ luật.

- Đổi mới phương thức đào tạo, xây dựng và khai thác hiệu quả kho tri thức doanh nghiệp.

IV. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển hệ thống Thông tin duyên hải phù hợp với định hướng của các tổ chức IMO, ITU, Cospas-Sarsat về các vấn đề liên quan đến Hiện đại hóa hệ thống GMDSS.

- Chuẩn hóa các quy trình sản xuất, làm chủ về mặt công nghệ ở một số khâu, thành phần cứng, phần mềm quan trọng của hệ thống thông tin duyên hải từ đó có thể chủ động sửa chữa, chế tạo các thành phần thay thế tương đương, hạn chế việc thuê, mua sản phẩm từ nước ngoài.

- Chủ động nghiên cứu, thiết kế, triển khai hệ thống quản lý giám sát tàu sử dụng công nghệ AIS, cung cấp dịch vụ hiệu quả với chi phí phù hợp cho các hoạt động quản lý nhà nước về an toàn, an ninh hàng hải, quản lý hoạt động nạo vét tuyến luồng hàng hải.

- Phát triển hạ tầng số hiện đại và an toàn, đảm bảo khả năng vận hành hiệu quả với các trung tâm dữ liệu đồng bộ, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin;

- Nghiên cứu công nghệ mới và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới theo hướng tập trung vào khai thác tài nguyên dữ liệu và giá trị gia tăng; đẩy mạnh hoạt động ứng dụng thành tựu của nghiên cứu và đổi mới khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu Công ty và đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ.

- Tăng cường chuyển đổi số gắn với hiệu quả và bảo đảm tính kết nối, liên kết dữ liệu nhằm từng bước hình thành kho dữ liệu số cho phép triển khai các ứng dụng AI.

- Chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý điều hành của Công ty thông qua việc ứng dụng mô hình ERP hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Bigdata), Internet vạn vật (IoT).

- Đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho người lao động, đảm bảo khả năng vận hành và khai thác các hệ thống mới. Xây dựng văn hoá số trong doanh nghiệp, thúc đẩy tư duy và thói quen làm việc trong môi trường số, tạo môi trường làm việc linh hoạt, sáng tạo.

V. Công tác pháp chế doanh nghiệp

- Theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành để sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ đảm bảo sự thống nhất và phù hợp.

- Ứng dụng các công cụ hỗ trợ để tra cứu, tìm kiếm các thông tin cập nhật kịp thời các thay đổi của văn bản pháp luật.

- Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo hoặc hướng dẫn về những văn bản quy định mới ban hành, những quy định nội bộ; tăng cường nhận thức về tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty; sử dụng và quản lý nguồn vốn Nhà nước hiệu quả, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

- Trên cơ sở Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty, Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm để trình Bộ Xây dựng giao một số chỉ tiêu định hướng; tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

- Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty và công khai thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty về Bộ Xây dựng và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Các Ông (Bà): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phụ trách các phòng chuyên môn, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ, Giám đốc/Phụ trách các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: HCTH, KHĐT.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY
NGUYỄN ANH TUẤN**

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện (năm)	Phân kỳ kinh phí đầu tư									
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
					Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân
A. HẠNG MỤC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030			196.051,65		3.371,65	7.046,65	15.385,00	47.227,00	126.675,50	98.277,15	39.119,50	32.076,35	11.500,00	11.424,50
I. ĐẦU TƯ, MUA SẮM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH			31.650,00		700,00	1.300,00	3.155,00	2.930,00	8.831,50	7.998,35	13.863,50	12.477,15	5.100,00	6.944,50
1	Xây dựng trụ sở Công ty	Vốn của doanh nghiệp và Quỹ đầu tư phát triển	20.000,00	2028-2030					3.000,00	3.000,00	11.900,00	10.710,00	5.100,00	6.290,00
2	Xây dựng nhà làm việc cho Đài TTDH Kiên Giang	Vốn của doanh nghiệp và Quỹ đầu tư phát triển	7.700,00	2027-2030			1.155,00	1.155,00	4.581,50	4.123,35	1.963,50	1.767,15		654,50
3	Xây dựng Trạm biến áp 250KVA cho Đài TTDH Hải Phòng	Vố của doanh nghiệp	1.250,00	2027-2028			-	375,00	1.250,00	875,00				
4	Xây dựng cột anten cho Đài TTDH Móng Cái	Vốn của doanh nghiệp	2.000,00	2026-2027	-	600,00	2.000,00	1.400,00						
5	Mua nhà của Công ty cổ phần điện tử hàng hải	Vốn của doanh nghiệp	700,00		700,00	700,00								
II. ĐẦU TƯ, MUA SẮM THIẾT BỊ			164.401,65		2.671,65	5.746,65	12.230,00	44.297,00	117.844,00	90.278,80	25.256,00	19.599,20	6.400,00	4.480,00
1	Thay thế hệ thống thiết bị thuộc trung tâm dữ liệu LRIT	Vốn của doanh nghiệp	43.500,00	2027-2028			-	13.050,00	43.500,00	30.450,00				
2	Thay thế hệ thống thiết bị cho các đài loại IV thuê hạ tầng	Vốn của doanh nghiệp	50.000,00	2027-2028			-	15.000,00	50.000,00	35.000,00				
3	Mua sắm thiết bị thử Inmarsat C cho Đài LRIT	Vốn của doanh nghiệp	250,00	2027			250,00	250,00						
4	Mua sắm thiết bị chuyển mạch, thiết bị định tuyến cho Đài Trung tâm xử lý thông tin hàng hải Hà Nội	Vốn của doanh nghiệp	1.000,00	2026	1.000,00	1.000,00								

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện (năm)	Phân kỳ kinh phí đầu tư									
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
					Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân
5	Mua sắm máy thu MF/HF cho các Đài TTDH	Vốn của doanh nghiệp	10.800,00	2026-2029	-	360,00	1.200,00	2.280,00	4.800,00	4.800,00	4.800,00	3.360,00		
6	Mua sắm máy phát MF/HF cho các Đài TTDH	Vốn của doanh nghiệp	13.500,00	2027-2030			-	1.620,00	5.400,00	6.210,00	8.100,00	5.670,00		
7	Mua sắm máy thu phát VHF cho các Đài TTDH	Vốn của doanh nghiệp	23.500,00	2026-2030	-	1.350,00	4.500,00	5.250,00	7.000,00	6.580,00	5.600,00	5.840,00	6.400,00	4.480,00
8	Mua sắm thiết bị đo cho các Đài TTDH	Vốn của doanh nghiệp	600,00	2027-2028			600,00	600,00						
9	Mua sắm Anten cho các Đài TTDH	Vốn của doanh nghiệp	3.000,00	2027-2028			-	900,00	3.000,00	2.100,00				
10	Mua sắm điều hòa cho các Đài TTDH, Đài thông tin vệ tinh	Vốn của doanh nghiệp	1.280,00	2026-2028	480,00	480,00	480,00	480,00	320,00	320,00				-
11	Mua sắm ôn áp cho các Đài TTDH Đà Nẵng, Hồ Chí Minh	Vốn của doanh nghiệp	210,00	2026-2027	70,00	70,00	140,00	140,00						
12	Mua sắm máy phát điện cho các Đài TTDH, Đài thông tin vệ tinh	Vốn của doanh nghiệp	5.300,00	2026-2030	-	855,00	2.850,00	2.730,00	2.450,00	1.715,00				
13	Mua sắm UPS cho Đài trung tâm xử lý thông tin hàng hải Hà Nội và Đài thông tin vệ tinh mặt đất Inmarsat Hải Phòng	Vốn của doanh nghiệp	700,00	2026-2028	500,00	500,00			200,00	200,00				
14	Mua sắm máy biến áp cho các Đài TTDH Đà Nẵng, Nha Trang	Vốn của doanh nghiệp	450,00	2027			450,00	450,00						
15	Mua sắm thiết bị đo đặc phân tích tín hiệu điện từ	Vốn của doanh nghiệp	518,15	2026	518,15	518,15								
15.1	Máy hiện sóng số		452,00		452,00	452,00								

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện (năm)	Phân kỳ kinh phí đầu tư									
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
					Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân
15.2	Máy phân tích phổ		66,15		66,15	66,15								
16	Nâng cấp các phần mềm ứng dụng cung cấp dịch vụ giám sát hành trình tàu cá	Vốn của doanh nghiệp	3.500,00	2028-2029					150,00	1.155,00	3.350,00	2.345,00		
17	Mua sắm thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ số hóa và lưu trữ dữ liệu	Vốn của doanh nghiệp	1.700,00	2026-2027	-	510,00	1.700,00	1.190,00						
18	Mua sắm phần mềm quản lý thông báo tập trung	Vốn của doanh nghiệp	1.050,00	2027-2028			60,00	357,00	990,00	693,00				
19	Mua sắm máy bơm cứu hoả cho Đài Vệ tinh INMARSAT Hải Phòng, Đài TTDH Hồ Chí Minh	Vốn của doanh nghiệp	103,50	2026	103,50	103,50								
20	Mua sắm thiết bị tường lửa	Vốn của doanh nghiệp	3.440,00	2028-2029					34,00	1.055,80	3.406,00	2.384,20		
B. HẠNG MỤC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2026			106.264,74		52.733,20	67.117,53								
1	Trang bị thay thế các thiết bị tại Trung tâm điều khiển của các Đài TTDH loại I, II	Vốn của doanh nghiệp	85.000,00	2026	47.058,43	53.233,41								
2	Xây dựng hệ thống xử lý thông tin vệ tinh VISHIPEL (VSSC)	Vốn của doanh nghiệp	2.964,74		2.838,00	1.988,00								
2.1	Phần mềm xử lý dữ liệu thông tin hành trình tàu		2.964,74	2026	2.838,00	1.988,00								
3	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng phục vụ sản xuất kinh doanh khác	Vốn của doanh nghiệp	2.300,00		2.198,48	2.300,00								
3.1	Bổ sung, nâng cấp, trang bị phần cứng, phần mềm cho dịch vụ giám sát tàu cá		2.300,00	2026	2.198,48	2.300,00								
4	Trang bị thay thế hệ thống xử lý dữ liệu cho VNMCC	Vốn của doanh nghiệp	16.000,00	2026	638,29	9.596,12								

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện (năm)	Phân kỳ kinh phí đầu tư										
					Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		
					Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	Giá trị dự kiến thực hiện	Giá trị dự kiến giải ngân	
C. HẠNG MỤC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐÃ HOÀN THÀNH, TIẾP TỤC GIẢI NGÂN TRONG NĂM 2026						4.514,34									
1	Xây lắp cột anten tại Đài TTDH Cam Ranh					8,80									
2	Cải tạo công trình đáp ứng yêu cầu về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại khu nhà làm việc của Đài TTDH Đà Nẵng					0,79									
3	Thay thế cột anten dây nêo 75m của Đài TTDH Hải Phòng					309,23									
4	Xây dựng các ứng dụng hỗ trợ công tác quản lý nghiệp vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công TTDH					724,50									
4.1	Phần mềm văn phòng điện tử					724,50									
5	Trang bị thiết bị điều hòa công nghiệp cho các Đài TTDH					242,81									
6	Xây dựng hệ thống xử lý thông tin vệ tinh VISHIPEL (VSSC)					989,80									
6.1	Phần mềm quản lý cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh					989,80									
7	Trang bị máy phát HF 1kW cho Đài TTDH Nha Trang					2.238,41									
	TỔNG		302.316,39		56.104,85	78.678,52	15.385,00	47.227,00	126.675,50	98.277,15	39.119,50	32.076,35	11.500,00	11.424,50	